

Phụ lục I**ĐỀ CƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH AN NINH HÀNG KHÔNG CỦA
NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải)*

**CHƯƠNG TRÌNH AN NINH HÀNG KHÔNG CẢNG HÀNG KHÔNG
... (tên cảng hàng không)**

Mục lục

Danh mục sửa đổi, bổ sung chương trình

Danh sách phân phối tài liệu

Chữ viết tắt

Chương I. Tổ chức công tác bảo đảm an ninh hàng không

- 1.1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ.
- 1.2. Căn cứ pháp lý.
- 1.3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan.
 - 1.3.1. Nhà chức trách an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay;
 - 1.3.2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay;
 - 1.3.3. Bộ phận tham mưu, giúp việc về an ninh hàng không (của người khai thác cảng hàng không, sân bay);
 - 1.3.4. Đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không;
 - 1.3.5. Đơn vị công an, quân đội tại cảng hàng không;
 - 1.3.6. Đơn vị cứu hỏa, y tế khẩn nguy;
 - 1.3.7. Các cơ quan nhà nước khác tại cảng hàng không;
 - 1.3.8. Hãng hàng không, người khai thác tàu bay;
 - 1.3.9. Các đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không;
 - 1.3.10. Cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi ngoài cảng hàng không;
 - 1.3.11. Đơn vị cung cấp dịch vụ không lưu.
- 1.4. Sơ đồ mô tả trách nhiệm tương ứng của các bên liên quan (có thể đưa vào phụ lục).
- 1.5. Ủy ban An ninh hàng không cảng hàng không.
 - 1.5.1. Xem xét các mối đe dọa đối với an ninh cảng hàng không, sân bay;
 - 1.5.2. Phối hợp giữa các bên liên quan trong công tác bảo đảm an ninh cảng hàng không, sân bay; trao đổi thông tin về các vấn đề an ninh hàng không;
 - 1.5.3. Tham vấn ý kiến xây dựng chương trình, kế hoạch, phương án trong bảo đảm an ninh hàng không;

1.5.4. Đánh giá kết quả của quy trình kiểm soát chất lượng nội bộ và kiểm soát chất lượng của cơ quan có thẩm quyền, đánh giá của các đối tác;

1.5.5. Đánh giá tính liên tục và hiệu quả của chương trình an ninh hàng không;

1.6. Quản lý, sử dụng thông tin, tài liệu an ninh hàng không hạn chế.

Chương II. Kết cấu hạ tầng và hoạt động tại cảng hàng không, sân bay

(Các thông tin khái quát về cảng hàng không, đặc điểm, chức năng, ranh giới các khu vực và hoạt động của nó để liên hệ đến những vấn đề an ninh hàng không).

2.1. Giới thiệu về cảng hàng không, sân bay.

Các nội dung cơ bản cần có gồm: tên cảng hàng không, địa chỉ, liên hệ, mã cảng hàng không...

2.2. Kết cấu hạ tầng và các khu chức năng.

Cách trình bày: sơ đồ và văn xuôi.

Nội dung cơ bản:

2.2.1. Sân bay;

2.2.1.1. Sân đỗ tàu bay (diện tích, số lượng vị trí đỗ, ký hiệu các vị trí đỗ, chiếu sáng tại các vị trí đỗ);

2.2.1.2. Đường hạ cất cánh, đường lăn (số lượng, chiều dài, ký hiệu, hệ thống đèn đêm);

2.2.1.3. Hàng rào phục vụ công tác bảo đảm an ninh hàng không (chiều dài, chiều cao, loại hàng rào đặc điểm, tính chất của hàng rào, ca-me-ra, hệ thống chiếu sáng hàng rào và các thiết bị gắn với hàng rào, cảnh báo đột nhập), đường công vụ;

2.2.1.4. Vị trí đỗ biệt lập;

2.2.1.5. Hàm xử lý bom;

2.2.1.6. Nhà ga hành khách (mô tả khái quát tổng diện tích, các khu vực hạn chế, khu vực công cộng, số lượng quầy làm thủ tục hàng không, xuất nhập cảnh, hải quan, trực ban an ninh, nơi lưu giữ hành khách từ chối nhập cảnh, nơi làm việc của Cảng vụ hàng không; số lượng cổng, cửa từ khu vực nhà ga ra sân đỗ tàu bay, từ khu vực công cộng vào khu vực hạn chế của nhà ga; số lượng, vị trí các điểm kiểm tra an ninh hàng không trong nhà ga, số lượng luồng hành khách ra tàu bay, luồng đi dành cho hành khách, nhân viên nội bộ, các khu vực thương mại, ăn uống, hàng lưu niệm...);

2.2.1.7. Nhà ga hàng hóa (mô tả tương tự nhà ga hành khách);

2.2.1.8. Các công trình khẩn nguy: Trung tâm khẩn nguy, trạm xe cứu hỏa...;

2.2.1.9. Trạm điện, nước, hệ thống thông gió, điều hòa;

2.2.1.10. Bãi đỗ xe (diện tích, sức chứa, ô tô, xe máy, các điểm kiểm soát an ninh hàng không ở khu vực công cộng);

2.2.1.11. Hệ thống giao thông (mô tả khái quát hệ thống giao thông tại khu vực cảng);

2.2.1.12. Các cơ sở xử lý hàng hoá bưu gửi, cơ sở sản xuất suất ăn, xăng dầu, sửa chữa bảo dưỡng tàu bay, thiết bị tàu bay, cơ sở bảo đảm hoạt động bay (mô tả khái quát vị trí, kiến trúc, công năng...);

2.2.1.13. Khu vực văn phòng các cơ quan, đơn vị liên quan (mô tả khái quát vị trí, kiến trúc, công năng... Trường hợp đã được mô tả ở các phần trên thì không cần mô tả lại ở phần này).

Căn cứ thực tế, các nội dung trên có thể được điều chỉnh từ mục này sang mục khác, phù hợp với đặc điểm từng cảng hàng không, sân bay.

2.3. Hoạt động hàng không.

Cách trình bày: văn xuôi.

Nội dung cơ bản:

2.3.1. Thời gian khai thác;

2.3.2. Loại tàu bay đang khai thác;

2.3.3. Số hãng hàng không đang khai thác;

2.3.4. Lưu lượng hành khách, hàng hoá, số lượng chuyến bay, giờ cao điểm, thấp điểm...

Chương III. Các biện pháp an ninh phòng ngừa

Cách trình bày: văn xuôi, sơ đồ.

Nội dung cơ bản: *phần này mô tả cách thức mà các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không được thiết kế và thực hiện tại cảng hàng không, sân bay theo phương pháp phân định ba vòng tròn đồng tâm (03 lớp kiểm soát an ninh). Vòng tròn bên ngoài bao gồm các biện pháp kiểm soát an ninh, duy trì trật tự công cộng. Vòng tròn thứ hai bao gồm các biện pháp kiểm soát an ninh ở ranh giới giữa khu vực công cộng và khu vực hạn chế (hàng rào an ninh, điểm kiểm tra an ninh, cổng, cửa, cảnh báo xâm nhập, hệ thống giám sát an ninh, thẻ kiểm soát an ninh và các biện pháp hạn chế người, phương tiện, đồ vật vào khu vực hạn chế. Vòng tròn trong cùng là các biện pháp kiểm soát an ninh trong khu vực hạn chế, khu vực cách ly. Phần này cũng cần mô tả khái quát tổ chức chịu trách nhiệm, đơn vị trực tiếp thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không, trật tự công cộng.*

3.1. Biện pháp kiểm soát an ninh khu vực công cộng.

3.1.1. Biện pháp để giảm thiểu rủi ro của kịch bản sử dụng phương tiện giao thông đường bộ (có thể chứa thiết bị nổ) để tấn công vào nhà ga, công trình hàng không;

3.1.2. Biện pháp bảo đảm an ninh, duy trì trật tự khu vực đón, trả khách (khu vực công cộng) và trước cửa nhà ga;

3.1.3. Biện pháp giám sát và tuần tra các khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay;

3.1.4. Quy định về quản lý, bảo vệ vé, thẻ lên tàu bay, thẻ hành lý, giấy tờ đi tàu bay và các tài liệu khác;

3.1.5. Các biện pháp tăng cường kiểm soát an ninh đối với các chuyến bay, hành khách được đánh giá là có rủi ro an ninh hàng không cao hơn;

3.1.6. Biển, bảng thông báo, cảnh báo an ninh, thông tin cảnh báo an ninh đối với hành khách.

3.2. Biện pháp kiểm soát an ninh khu vực hạn chế, ranh giới khu vực hạn chế và khu vực công cộng, kiểm soát ra, vào khu vực hạn chế.

3.2.1. Xác định các khu vực hạn chế

Cách trình bày: văn xuôi, sơ đồ.

Nội dung cơ bản: *xác định và mô tả rõ các khu vực hạn chế, xác định ranh giới cụ thể của từng khu vực hạn chế với khu vực công cộng, trong đó lưu ý các khu vực hạn chế sử dụng riêng, khu vực cách ly, làm cơ sở kiểm soát ra, vào và bảo đảm người, phương tiện hoạt động ở đúng khu vực hạn chế được ghi trong thẻ kiểm soát an ninh hàng không.*

3.2.2. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

Cách trình bày: văn xuôi, hình ảnh về mẫu thẻ, giấy phép (nếu có).

Nội dung cơ bản: *Bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:*

3.2.2.1. Quy định về cấp thẻ, giấy phép;

3.2.2.2. Các loại thẻ, giấy phép có giá trị sử dụng tại cảng hàng không;

3.2.2.3. Thiết kế thẻ, giấy phép (mẫu, công nghệ kiểm soát sử dụng, giải pháp bảo mật);

3.2.2.4. Thủ tục cấp, quản lý, thu hồi và một số quy định liên quan khác.

3.2.3. Thủ tục giám sát, hộ tống

Cách trình bày: văn xuôi.

Nội dung cơ bản:

3.2.3.1. Thủ tục giám sát, hộ tống người, phương tiện được cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn;

3.2.3.2. Thủ tục giám sát, hộ tống người phạm tội, đối tượng trục xuất, từ chối nhập cảnh...;

3.2.3.3. Thủ tục hướng dẫn, bảo vệ khách quan trọng (nếu có).

3.2.4. Các biện pháp kiểm soát an ninh khu vực ranh giới khu vực công cộng và khu vực hạn chế

Cách trình bày: văn xuôi kết hợp sơ đồ.

Nội dung cơ bản:

3.2.4.1. Hàng rào an ninh hàng không, đường tuần tra;

3.2.4.2. Chiếu sáng;

3.2.4.3. Biển cảnh báo;

3.2.4.4. Thiết bị cảnh báo xâm nhập;

3.2.4.5. Ca-me-ra giám sát an ninh (CCTV).

(Cần đặc biệt lưu ý các hành lang, lối đi nội bộ có thể đi từ khu vực công cộng vào khu vực hạn chế).

3.2.4.6. Quy định nguyên tắc về phân chia cổng, cửa, người, phương tiện được phép ra, vào (vị trí, thời gian hoạt động), trong đó có các cổng, cửa khẩn nguy, nội dung chi tiết được tham chiếu về mục 3.2.9 và mục 3.2.10

3.2.4.7. Các điểm kiểm tra an ninh

Cách trình bày: văn xuôi kết hợp sơ đồ.

Nội dung cơ bản: *phần này sẽ mô tả các quy trình thiết lập (nguyên tắc thiết lập các điểm kiểm tra an ninh) các điểm kiểm tra vào khu vực hạn chế đối với người, hành lý, hàng hóa, đồ vật và phương tiện. Bảo đảm người, đồ vật, hành lý, hàng hóa, phương tiện đi đúng cổng, cửa, luồng di chuyển, đúng khu vực hạn chế phù hợp với thẻ, giấy phép. Trong trường hợp có ứng dụng công nghệ tự động hoặc sinh trắc học, loại thông tin nhân thân cần để kiểm soát cũng được xác định ở mục này nếu có.*

a) *Quy định về kiểm soát tại điểm kiểm tra an ninh hàng không có nhân viên kiểm soát an ninh hàng không (nêu khái quát, tập trung trách nhiệm thiết lập điểm kiểm tra, trách nhiệm của người, phương tiện, đồ vật lưu thông qua điểm kiểm tra; quy trình chi tiết và các hướng dẫn nghiệp vụ đối với nhân viên kiểm soát an ninh hàng không được quy định trong quy chế an ninh của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không).*

b) *Quy định về kiểm soát tại cổng, cửa, kiểm soát bằng công nghệ tự động, sinh trắc học (nếu có) của người, phương tiện lưu thông.*

3.2.5. Điểm kiểm soát an ninh, tuần tra (hỗ trợ việc kiểm soát xâm nhập trái phép vào khu vực hạn chế).

3.2.6. Hệ thống kiểm soát cổng, cửa tự động (nếu có).

Cách trình bày: văn xuôi.

Nội dung cơ bản: *phần này sẽ mô tả tổng quát hệ thống điều khiển khóa tự động được sử dụng liên quan đến khóa bảo mật; tổ chức chịu trách nhiệm quản lý; thông số kỹ thuật tối thiểu cho khóa và chìa khóa (các thông tin đặc biệt nhạy cảm, cần bảo mật cao được quy định tại tài liệu hướng dẫn sử dụng của đơn vị quản lý, khai thác cổng, cửa).*

3.2.7. Kiểm soát an ninh bên trong các khu vực hạn chế

3.2.7.1. Phân chia các khu vực hạn chế

Cách trình bày: văn xuôi kết hợp sơ đồ.

Nội dung cơ bản: tham chiếu mục 3.2.1, phụ lục này, có chia nhỏ từng khu vực hạn chế theo công năng của từng khu vực trên cơ sở quy định tại khoản 1, Điều 31, Thông tư này.

Tại mỗi khu vực hạn chế được phân loại ở mục này, quy định các nội dung sau:

3.2.7.2. Biện pháp bảo đảm an ninh ở từng khu vực hạn chế...

Cách trình bày: văn xuôi.

Nội dung cơ bản:

a) Các biện pháp kiểm soát bổ sung khi người, phương tiện, đồ vật di chuyển giữa các khu vực hạn chế (ngoài các biện pháp kiểm soát người, phương tiện, đồ vật từ khu vực công cộng vào khu vực hạn chế đã nêu ở các điểm 3.2.4, 3.2.5, 3.2.6, 3.2.7, phụ lục này).

(Ví dụ: kiểm soát người, phương tiện, đồ vật di chuyển từ khu vực hạn chế xử dụng riêng của cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, thiết bị tàu bay vào sân bay...).

b) Các biện pháp tuần tra, giám sát, bảo vệ mục tiêu, kiểm tra an ninh khu vực, lục soát an ninh...

3.2.8. Kiểm tra an ninh hàng không đối với nhân viên nội bộ

Cách trình bày: văn xuôi.

Nội dung cơ bản:

3.2.8.1. Cơ sở pháp lý (điểm, khoản, Điều...)

3.2.8.2. Quy định cụ thể

a) Số lượng và vị trí của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không ở các điểm kiểm tra, bao gồm cả các điểm kiểm tra đối với hành khách (chuyển thành 01 phụ lục dạng bảng liệt kê);

b) Quá trình kiểm tra;

c) Miễn trừ kiểm tra nếu có;

d) Đồ vật, hàng hóa bị cấm hoặc hạn chế;

e) Quy định về kiểm tra đồ vật mang theo.

3.2.8.3. Phát hiện vật cấm, vật phẩm nguy hiểm hoặc vật nghi ngờ khi kiểm tra an ninh hàng không

3.2.9. Kiểm tra an ninh hàng không đối với phương tiện

Cách trình bày: văn xuôi.

Nội dung cơ bản:

3.2.9.1. Cơ sở pháp lý (điểm, khoản, Điều...)

3.2.9.2. Quy định cụ thể

a) Số lượng và vị trí của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không ở các điểm kiểm tra (chuyển thành 01 Phụ lục dạng bảng liệt kê)

- b) Quá trình kiểm tra;
- c) Miễn trừ kiểm tra nếu có;
- d) Đồ vật, hàng hóa bị cấm hoặc hạn chế;
- e) Quy định về kiểm tra người, đồ vật mang theo phương tiện.

3.2.9.3. Phát hiện vật cấm, vật phẩm nguy hiểm hoặc vật nghi ngờ khi kiểm tra an ninh hàng không

3.2.10. Kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách, phi hành đoàn, hành lý xách tay

Cách trình bày: văn xuôi.

Nội dung cơ bản:

3.2.10.1. Kiểm tra xác nhận đúng đối tượng

a) Đối với hành khách:

- Địa điểm, người kiểm tra;
- Cách thức kiểm tra (*quy định cách thức kiểm tra để đạt (1) mục đích kiểm tra - nhằm xác định đúng hành khách và (2) nội dung kiểm tra - kiểm tra đối chiếu giấy tờ đi tàu bay với thẻ lên tàu bay và người thực, đặc biệt lưu ý quy định về kiểm tra thẻ lên tàu bay tự làm thủ tục, quy định trường hợp khách chuyển tiếp, nối chuyến*).

b) Đối với tổ bay:

- Địa điểm, người kiểm tra;
- Cách thức kiểm tra (*quy định cách thức kiểm tra cụ thể để đạt (1) mục đích kiểm tra - nhằm xác định đúng tổ bay và (2) nội dung kiểm tra - kiểm tra đối chiếu thẻ thành viên tổ bay, người thực và danh sách tổ bay*).

c) Quy định về tách biệt hành khách, phi hành đoàn đã qua kiểm tra an ninh và hành khách, tổ bay chưa qua kiểm tra an ninh

(*Cách thức, người chịu trách nhiệm bảo đảm việc hành khách, phi hành đoàn đã qua kiểm tra an ninh không bị chọn lẫn với hành khách, tổ bay chưa qua kiểm tra an ninh*).

3.2.10.2. Kiểm tra, soi chiếu an ninh

- a) Vị trí điểm kiểm tra an ninh và giờ hoạt động;
- b) Yêu cầu kiểm tra;
- c) Miễn kiểm tra, nếu có;
- d) Quá trình kiểm tra;
- đ) Quy định kiểm tra khách quan trọng hoặc hành khách có nhu cầu đặc biệt (nếu có); các thỏa thuận đặc biệt đối với kiểm tra tổ bay, nếu có;
- e) Quy định kiểm tra trực quan ngẫu nhiên, kiểm tra lại, lục soát.

3.2.10.3. Quy định kiểm tra

Ghi như sau: “Quy định kiểm tra an ninh hàng không hành khách, tổ bay và hành lý xách tay được quy định cụ thể tại quy chế an ninh hàng không của... (*Đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không*), bảo đảm các nội dung sau:

- a) Mục đích kiểm tra;
- b) Các thủ tục, tiêu chuẩn để kiểm tra soi chiếu, kiểm tra trực quan hành khách xuất phát;
- c) Các thủ tục, tiêu chuẩn để kiểm tra soi chiếu, kiểm tra trực quan hành khách quá cảnh, nối chuyến;
- d) Danh sách, danh mục những người được miễn kiểm tra an ninh;
- đ) Thủ tục, tiêu chuẩn để kiểm tra an ninh hành lý xách tay;
- e) Các biện pháp, thủ tục kiểm tra an ninh cho tổ bay, người thực thi pháp luật và các cơ quan chính phủ khác (nếu có);
- g) Xử lý hành khách hoặc hành lý xách tay nghi ngờ;
- h) Kiểm soát di chuyển của hành khách;
- i) Biện pháp đối với hành khách đặc biệt;
- k) Các thủ tục đối với người từ chối kiểm tra an ninh;
- l) Xử lý khi có hành vi vi phạm, khi phát hiện vật phẩm nguy hiểm không khai báo;
- m) Xử lý và ghi lại các đồ vật bị để lại;
- n) Các biện pháp đối với các thiết bị điện, điện tử, chất lỏng...

3.2.10.3. Thiết bị kiểm tra, soi chiếu an ninh

(Phần này sẽ bao gồm mô tả chung về thiết bị được sử dụng trong việc kiểm tra hành khách và hành lý xách tay, bao gồm cổng từ (WTMD), máy dò kim loại cầm tay (HHMD), thiết bị soi chiếu tia X, hệ thống phát hiện thiết bị nổ (EDS), hệ thống phát hiện vi vết chất nổ (ETD). Việc bảo quản, sử dụng, hiệu chuẩn, kiểm tra khả năng vận hành và bảo trì các thiết bị... được quy định trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không).

3.2.10.4. Nhân viên kiểm tra, soi chiếu an ninh

Ghi như sau: “Nhân viên kiểm tra, soi chiếu an ninh được quy định cụ thể tại quy chế an ninh hàng không của... (*Đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không*)”.

3.2.11. Vật phẩm nguy hiểm

(Quản lý, kiểm soát, danh mục vật phẩm nguy hiểm mang lên tàu bay; vật phẩm nguy hiểm mang vào khu vực hạn chế).

3.2.12. Kiểm soát vũ khí, công cụ hỗ trợ

3.2.12.1. Căn cứ pháp lý (liệt kê tên điểm, khoản, Điều...);

3.2.12.2. Kiểm soát vũ khí, công cụ hỗ trợ đi;

3.2.12.3. Kiểm soát vũ khí, công cụ hỗ trợ đến.

3.2.13. Túi thư ngoại giao.

3.2.14. Hành khách bị trục xuất, từ chối nhập cảnh, người bị áp giải.

3.2.15. Hành khách, phi hành đoàn hoạt động hàng không chung.

3.2.16. Hành lý ký gửi

Cách trình bày: Văn xuôi.

Nội dung cơ bản:

3.2.16.1. Căn cứ pháp lý về thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra

(Trích dẫn căn cứ pháp lý về thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra, đơn vị kiểm tra);

3.2.16.2. Quy định chung kiểm tra an ninh hành lý ký gửi

a) Mục đích của các biện pháp kiểm tra an ninh;

b) Mô tả dây truyền kiểm tra sơ cấp và thứ cấp (nếu có, có thể mô tả dây truyền dạng sơ đồ quá trình);

c) Quy trình và thủ tục kiểm tra hành lý ký gửi đã qua kiểm tra an ninh ngoài cảng hàng không, sân bay (nếu có);

d) Quy trình và thủ tục kiểm tra hành lý quá cảnh, chuyển tiếp, nối chuyến;

đ) Quy trình và thủ tục kiểm tra hành lý quá khổ;

e) Kiểm soát an ninh hành lý sau khi kiểm tra, xác nhận hành lý đã qua kiểm tra;

g) Quy trình và biện pháp để bảo vệ hành lý ký gửi đã qua kiểm tra an ninh di chuyển ngoài khu vực hạn chế.

3.2.16.3. Thủ tục kiểm tra an ninh hành lý ký gửi

Ghi như sau: “Các nội dung sau được tham chiếu, quy định cụ thể tại quy chế an ninh hàng không của... (Đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không):

a) Loại hệ thống/công nghệ thiết bị kiểm tra được sử dụng;

b) Thủ tục khi phát hiện nghi ngờ, có cảnh báo;

c) Thủ tục kiểm tra hành lý đi kèm;

d) Thủ tục kiểm tra hành lý thất lạc, không có người đi cùng...;

đ) Thủ tục kiểm tra hành lý của tổ bay (nếu khác);

e) Thủ tục phát hiện vật thể nguy hiểm;

g) Các biện pháp đối với đồ điện và điện tử;

h) Miễn trừ, nếu có;

i) Thủ tục khi phát hiện vũ khí hoặc thiết bị nổ.

3.2.16.4. Thiết bị kiểm tra an ninh hành lý ký gửi

(Phần này sẽ bao gồm mô tả chung về thiết bị được sử dụng trong việc kiểm tra hành lý ký gửi, bao gồm loại, công nghệ của hệ thống, tính năng cơ bản của hệ thống, khả năng phát hiện vi vết chất nổ, cảnh báo thiết bị nổ... Việc bảo quản, sử dụng, hiệu chuẩn, kiểm tra khả năng vận hành và bảo trì các thiết bị... được quy định trong quy chế an ninh hàng không của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không).

3.2.16.5. Nhân viên kiểm tra, soi chiếu an ninh

Ghi như sau: “Nhân viên kiểm tra, soi chiếu an ninh được quy định cụ thể tại quy chế an ninh hàng không của... (Đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không)”.

3.2.16.6. Đồng bộ hành khách hành lý

(Việc đồng bộ hành khách, hành lý là trách nhiệm của hãng hàng không, tuy nhiên, với vai trò cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, để bảo đảm kiểm soát chặt chẽ, giảm thiểu các rủi ro về an ninh hàng không, hãng hàng không, người khai thác cảng hàng không và đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm soát an ninh hàng không cần kịp thời trao đổi các thông tin liên quan để thực hiện quy định về đồng bộ hóa hành lý, hành khách (nếu có hành khách vi phạm phải xử lý, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải thông báo cho hãng hàng không biết để có quyết định tương ứng, phù hợp đối với chuyến bay dự kiến của hành khách).

3.2.16.7. Bảo vệ và giám sát các khu vực lưu giữ, chất xếp hành lý

(Các khu vực lưu giữ, chất xếp hành lý thường được xác định là một phần của khu vực hạn chế và được bảo vệ bằng các biện pháp được mô tả tại các mục nêu trên của chương trình an ninh. Tuy nhiên, nên có các biện pháp bổ sung dành riêng cho khu vực hành lý để giảm thiểu nguy cơ tác động trái phép, rủi ro an ninh đối với hành lý ký gửi. Các biện pháp này được mô tả trong phần này).

3.2.16.8. Hành lý, đồ vật chưa xác định hoặc không xác nhận được chủ

(Phần này xác định đơn vị chịu trách nhiệm xử lý hành lý, đồ vật chưa xác nhận hoặc không xác định được chủ và mô tả các yêu cầu liên quan đến việc kiểm tra an ninh và lưu trữ hành lý, đồ vật trong khi chờ xử lý).

3.2.17. Hàng hóa, đồ vật mang vào bán, sử dụng trong khu vực hạn chế

3.2.17.1. Căn cứ pháp lý về thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra

(Trích dẫn căn cứ pháp lý về thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra, đơn vị kiểm tra).

3.2.17.2. Quy định chung kiểm tra hàng hóa, đồ vật mang vào bán, sử dụng trong khu vực hạn chế

(Quy định chung về quy trình kiểm tra, bao gồm: yêu cầu và mục đích của các biện pháp an ninh, địa điểm kiểm tra và giờ kiểm tra).

3.2.17.3. Quy định kiểm tra

Ghi như sau: “Các nội dung sau được tham chiếu/quy định cụ thể tại quy chế an ninh hàng không của... (Đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không):

3.2.18. Hàng hóa, bưu gửi lên tàu bay

3.2.18.1. Quy định kiểm tra an ninh đối với hàng hóa, bưu gửi tại điểm kiểm tra an ninh của cảng hàng không, sân bay

Trích dẫn (điều, khoản, điểm cụ thể) căn cứ pháp lý về thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra, đơn vị kiểm tra, thông thường được chia ra: hàng hóa được kiểm tra tại cảng hàng không, sân bay, hàng hóa được kiểm tra ngoài cảng hàng không, sân bay; trách nhiệm của hãng hàng không, doanh nghiệp khai thác ga hàng hóa, người khai thác cảng hàng không....

3.2.18.2. Đối với hàng hóa, bưu gửi kiểm tra an ninh tại cảng hàng không, sân bay

3.2.18.3. Đối với hàng hóa, bưu gửi kiểm tra an ninh ngoài cảng hàng không, sân bay

a) Địa điểm và giờ hoạt động của khu vực tiếp nhận hàng hóa, bưu gửi tại sân bay;

b) Danh sách các đơn vị xử lý hàng hóa, bưu gửi ngoài cảng hàng không;

3.2.18.4. Hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, nối chuyến....

Chương IV. Đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng

Thực hiện theo kế hoạch khẩn nguy cảng hàng không, sân bay.

Chương V. Đào tạo, huấn luyện

5.1. Đào tạo, huấn luyện cho cán bộ, nhân viên của người khai thác cảng hàng không.

5.2. Đào tạo, huấn luyện bảo quản, sử dụng trang thiết bị ANHK cho ASV (đối với trường hợp người khai thác cảng đầu tư, mua sắm).

Chương VI. Kiểm soát chất lượng an ninh hàng không

6.1. Trách nhiệm.

6.2. Các biện pháp kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

6.3. Giám sát viên an ninh nội bộ.

Phụ lục

Các phụ lục cung cấp thông tin bổ sung, làm rõ, cụ thể hóa nội dung chính của chương trình an ninh hàng không hoặc trích dẫn các văn bản quy định liên quan, bao gồm (nhưng không giới hạn) các nội dung chính sau:

a) Sơ đồ và kế hoạch, phương án;

b) Trích dẫn văn bản, quy định liên quan;

- c) Các quy trình, thủ tục, quy chế, nội quy;
- d) Thống kê, số liệu thông tin kỹ thuật;
- e) Các biểu mẫu, mẫu và các tài liệu liên quan khác.